

Bản án số: 330/2024/HS-PT

Ngày: 29-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán:

Ông Trương Minh Tuấn

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa phúc thẩm xét xử trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 219/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Mai Văn M và đồng phạm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Mai Văn M, sinh ngày 20/5/1992; nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Mai Xuân H (đã chết) và bà Lê Thị H1; chưa có vợ, con; tiền sự: không; có 02 tiền án: ngày 15/11/2010 bị Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 29/11/2010 bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 17 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Huỷ hoại tài sản” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2023, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 12/4/1993; nơi cư trú: thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Á; có vợ là Mai Thị Mỹ H2 và có 01 con sinh năm 2020; có 02 tiền sự: ngày 28/9/2022 bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; ngày 07/01/2023 bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tiền án: không; quá trình nhân thân: ngày 31/10/2012 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2023, sau đó chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình cho đến nay; có mặt.

3. Trần Đăng H3, sinh ngày 02/02/2002; nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Đăng K và bà Nguyễn Thị M1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2023, sau đó chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cho đến nay; có mặt.

4. Phan Văn D, sinh ngày 18/5/1990; nơi cư trú: thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: lớp 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phan Xuân M2 và bà Nguyễn Thị H4; có vợ là Phan Thị Vinh H5; tiền sự: không; có 01 tiền án: ngày 21/01/2021, bị Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2023, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Luật sư Nguyễn Văn H6 – Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật , Đoàn Luật sư tỉnh Q bào chữa cho bị cáo Mai Văn M theo chỉ định của Tòa án; có mặt.

+ Luật sư Bùi Công T - Đoàn Luật sư tỉnh Q bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S theo yêu cầu của gia đình bị cáo; có mặt.

+ Luật sư Nguyễn Hoàng Đoan P1 - Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H bào chữa cho bị cáo Trần Đăng H3 theo yêu cầu của gia đình bị cáo; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua đến vụ án:

1. Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH X: Anh Phạm Quang T1, sinh ngày 23/7/1987; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

2. Chị Mai Thị Mỹ T2, sinh ngày 20/9/1999; nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/01/1998; nơi cư trú: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Những người chứng kiến:

1. Ông Vũ Trường T3 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

3. Ông Trần Xuân T4, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Điều tra viên và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong vụ án được Toà án triệu tập:

- Ông Hồ Nhật L1 - Điều tra viên Phòng PC 04 Công an tỉnh Q. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Vũ L2 - Điều tra viên Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Trần Hồng Q - Cán bộ điều tra Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Đinh Kiên Q1 - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lúc 12 giờ 00 phút ngày 23/4/2023, tại thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, tổ công tác Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình phối hợp với các lực lượng chức năng tuần tra, kiểm soát phòng chống tội phạm về ma túy trên tuyến Quốc lộ A phát hiện xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 73A-129.09 do Nguyễn Ngọc S điều khiển đang lưu thông từ hướng xã K, huyện T, tỉnh Quảng

Bình đến xã L, huyện T, tỉnh Quảng Bình chở theo Trần Đăng H3 có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác đón dừng kiểm tra thì Nguyễn Ngọc S điều khiển xe ô tô bỏ chạy vào vườn nhà dân ven đường và nói với Trần Đăng H3 mang theo 01 túi xách bỏ chạy. Tổ công tác truy đuổi bắt giữ được Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3. Tiến hành kiểm tra túi xách mà H3 mang theo khi bỏ chạy, phát hiện có 02 gói nilon trong suốt chứa chất bột màu trắng mà S và H3 khai nhận đó là chất ma túy. Lúc 12 giờ 10 phút ngày 23/4/2023, lực lượng Công an tiến hành khám xét khẩn cấp xe ô tô BKS 73A-129.09 của Nguyễn Ngọc S phát hiện có 13.796 viên nén hình tròn màu hồng; 140 viên nén hình tròn màu xanh. S và H3 khai nhận là ma túy vận chuyển cho Mai Văn M từ T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình về xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong các tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra, xác định hành vi các bị cáo đã thực hiện cụ thể như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 23/4/2023, Mai Văn M sử dụng điện thoại số 0342.981.610 liên lạc đến điện thoại số 0708.388.833 của Nguyễn Ngọc S rủ đi ăn sáng. S đồng ý và điều khiển xe ô tô BKS 73A - 129.09 đi đến nhà của M. Khi gặp nhau, M nói với S đi vào xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình để lấy ma túy về, S đồng ý. Tiếp đó, M gọi điện thoại cho Trần Đăng H3 rủ H3 cùng đi, rồi S điều khiển xe ô tô BKS 73A - 129.09 đến phòng trọ của H3 chở H3 đến quán ăn cùng M tại xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Tại đây, M bảo S và H3 đi mua bánh kẹo và nước uống để đi vào xã H, huyện M, còn M điều khiển xe ô tô BKS 73A - 291.45 đi vào xã H trước. S và H3 đi đến tiệm T5 thuộc Tiểu khu B, thị trấn Đ, huyện T mua bánh kẹo, nước ngọt. Sau đó, S điều khiển xe ô tô BKS 73A - 129.09 chở H3 đi theo đường Quốc lộ 15 hướng Đ - H, đến đường M thì rẽ trái đi vào xã H, huyện M, dọc đường M gọi điện thoại bảo S dừng xe đợi. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, S nhận được điện thoại của M với nội dung: “Đi đến khu vực T thuộc xã H, huyện M”. S điều khiển xe ô tô đi đến khu vực bãi đỗ xe của Thác M3 thì gặp xe ô tô của M. Tại đây, M đưa cho S một túi xách màu đen và dặn lấy ma túy ra bỏ vào trong các gói bánh kẹo, S đưa túi xách lên xe ô tô của S, còn M điều khiển xe ô tô rời đi. Khi S lên xe ô tô thì nói với H3 (lúc này đang ngồi ghế phụ trước của xe ô tô) nhìn để ý người xung quanh để S cất giấu ma túy, còn S mở túi xách bên trong có 05 gói ma túy được bọc nilon kín, S lấy 03 gói bỏ vào trong ba hộp bánh rồi lấy băng dính dán lại bỏ trong túi nilon chứa bánh kẹo, còn 02 gói nilon còn lại S cất giấu vào túi xách áo quần của H3, sau đó S để tất cả ở hàng ghế phía sau xe. Sau đó, S điều khiển xe ô tô chở H3 đi theo đường H về hướng xã H, huyện T rồi rẽ phải theo đường Quốc lộ 15 về hướng thị trấn Đ, huyện T. Khi đang di chuyển trên đường, cứ cách khoảng 05 - 10 phút thì

M lại gọi điện thoại liên lạc với S để hỏi vị trí của nhau. Khoảng 11 giờ ngày 23/4/2023, Mai Văn M điều khiển xe ô tô BKS 73A - 291.45 theo hướng ngã ba T thuộc xã H về thị trấn Đ, huyện T. Khoảng 11 giờ 45 phút, khi đến địa phận xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, M sử dụng số điện thoại 0917.285.599 gọi đến số điện thoại 0372.990.590 của Phan Văn D để hỏi D có mua ma túy hồng phiến hay không. D đồng ý mua và nói hiện tại không có tiền nên sẽ cầm điện thoại cho M để mua ma túy, khi nào có tiền thì D sẽ trả cho M sau, M đồng ý. Khoảng 5 phút sau, M đi đến trước nhà D thì dừng lại và gọi D ra gặp. D đi ra gặp M và tháo sim từ máy điện thoại Iphone ra và đưa điện thoại cho M. M nói với D có gì báo lại sau, rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô đi về hướng thị trấn Đ, huyện T. Sau đó, M sử dụng số điện thoại 0342.981.610 gọi đến số điện thoại 0708.388.833 của Nguyễn Ngọc S và nói S khi đi đến chân cầu K thuộc địa phận thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình thì lấy một gói ma túy hồng phiến (khoảng 200 viên) vứt ở chân cầu K rồi gọi cho Phan Văn D đến lấy ma túy. S nói với H3 mở hộp bánh lấy ra một gói nilon màu xanh chứa ma túy hồng phiến (khoảng 200 viên) để vào trong 01 vỏ bánh nilon nhãn hiệu ORION CUSTAS màu bạc rồi H3 lấy băng dính dán lại. Khi S và H3 đi đến khu vực cầu K thuộc địa phận thôn K, xã K, huyện T thì S điều khiển xe chạy chậm và nói Hoàng vứt gói ma túy xuống cọc tiêu gần biển báo tên cầu “Khe Đèng” ở bên phải đường (hướng K - Đ). Sau khi H3 bỏ gói ma túy xong thì S điều khiển xe ô tô đến trước nhà D gọi và nói D đi đến cầu K lấy ma túy. D đồng ý và đi đến địa điểm trên lấy 01 gói bánh nhãn hiệu ORION CUSTAS màu bạc, bên trong chứa 01 gói ma túy hồng phiến đưa về nhà cất giấu sử dụng và để lại vỏ bánh nhãn hiệu ORION CUSTAS màu bạc (được dán lại bên ngoài bằng mảnh băng dính trong suốt) ở trên bàn.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3, lúc 14 giờ 20 phút ngày 23/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Văn D, phát hiện và tạm giữ một túi nilon màu xanh bên trong có 198 viên nén, hình tròn, dạng thuốc tân dược (trong đó có 196 viên nén màu hồng, 02 viên màu xanh) và 01 vỏ hộp bánh nhãn hiệu ORION CUSTAS màu bạc. Phan Văn D khai nhận là ma túy, mua của Mai Văn M và được Nguyễn Ngọc S giao vào trưa ngày 23/4/2023.

Tại Kết luận giám định số: 390/KL- KTHS ngày 30/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, xác định:

- Mẫu ký hiệu A1 gửi giám định gồm 13.796 viên nén hình tròn màu hồng, trên mỗi mặt viên có in chữ “WY” là chất ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1.422,12g. Mẫu ký hiệu A3 gửi giám định là chất ma túy loại Ketamine, khối lượng 997,79g. Mẫu ký hiệu A4 gửi giám định là chất ma túy loại Ketamine, khối lượng 998,02g. Mẫu ký hiệu A5 gửi giám định gồm 196

viên nén hình tròn màu hồng, trên mỗi mặt có in chữ “WY” là chất ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 19,838g.

Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự từ 247, Danh mục IIC; Ketamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 40, Danh mục III, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng:

1. 02 gói nilon trong suốt, bên ngoài mỗi gói có chữ “AAA”, mỗi gói được bọc bên ngoài bằng băng dính màu vàng, bên trong mỗi gói chứa chất bột màu trắng.

2. 01 điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE 7 Plus, màu Đen, số IMEI: 359218073975158, bên trong gắn sim số: 0373803693, điện thoại đã qua sử dụng.

3. 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy Z Fold 4, màu Trắng Đen, số IMEI 1: 351843262080433, số IMEI 2: 352898472080432, bên trong có sim số: 0708388833, điện thoại đã qua sử dụng.

4. 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A31, màu Xanh, số IMEI 1: 860646044112919, số IMEI 2: 860646044112901, bên trong có sim số: 0706833668 và sim số: 0898503102, điện thoại đã qua sử dụng.

5. 01 xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA WIGO, màu sơn: Trắng, số máy: 3NRH368066, số khung: MHKA4GE5VKJ002950, BKS 73A - 129.09, xe đã qua sử dụng.

Các vật chứng nói trên được thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang.

6. 01 túi xách có nhiều họa tiết, nhiều màu sắc khác nhau. Thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường.

7. 01 ba lô loại hai dây đeo, gồm ba ngăn, khóa kéo màu đen, in họa tiết, hình ảnh nhiều màu sắc, có ghi dòng chữ “Sơn Tùng”, kích thước (35x41)cm. Thu giữ trong quá trình khám xét phương tiện của Nguyễn Ngọc S.

8. 01 hộp bánh nhãn hiệu ORION CUSTAS, bên trong có 01 gói nilon gồm nhiều lớp trong đó gồm: 01 gói nilon, bọc bên ngoài bằng băng dính màu vàng bên trong là lớp nilon màu trắng; 01 túi nilon màu xanh; 04 túi nilon trong suốt; 03 tờ giấy màu trắng, trên một mặt đều có chữ “A”; 01 túi nilon màu vàng bên ngoài quấn băng dính màu trắng hình chữ thập. Bên trong các lớp nilon có chứa 06 túi nilon màu hồng và 24 túi nilon màu xanh, bên trong các túi nilon này

chứa các viên nén hình tròn màu hồng và màu xanh, dạng thuốc tân dược. Thu giữ trong quá trình khám xét phương tiện của Nguyễn Ngọc S, đã niêm phong.

9. 01 gói bánh có dòng chữ Junju Richy màu trắng, đỏ, bên trong có 01 gói nilon gồm nhiều lớp trong đó gồm: 01 túi nilon đã rách, bên ngoài quần băng dính trong suốt và băng dính màu vàng bên trong là lớp nilon họa tiết caro đen trắng; 02 túi nilon trong suốt; 01 tờ giấy màu trắng, trên một mặt in chữ “A”. Bên trong các lớp này có 02 túi nilon màu hồng và 08 túi nilon màu xanh, bên trong các túi nilon này chứa các viên nén hình tròn màu hồng và màu xanh, dạng thuốc tân dược. Thu giữ trong quá trình khám xét phương tiện của Nguyễn Ngọc S, đã niêm phong.

10. 01 hộp giấy có chữ “Tết là nhà”, “Lipovitan” bên trong có 01 gói nilon gồm nhiều lớp, trong đó gồm: 01 túi nilon màu xanh, bên ngoài quần băng dính màu vàng; 01 túi nilon họa tiết caro đen trắng; 01 túi nilon màu vàng, bên ngoài quần băng dính màu trắng hình chữ thập; 05 túi nilon trong suốt; 01 túi nilon trong suốt trên một mặt in chữ “A”; 03 tờ giấy màu trắng, trên một mặt đều in chữ “A”. Bên trong các lớp này chứa 06 túi nilon màu hồng và 24 túi nilon màu xanh, bên trong các túi nilon này chứa các viên nén hình tròn màu hồng và màu xanh, dạng thuốc tân dược. Thu giữ trong quá trình khám xét phương tiện của Nguyễn Ngọc S, đã niêm phong.

11. 01 túi nilon màu xanh, bên trong có 198 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược (trong đó có 196 viên nén màu hồng, 02 viên màu xanh). Thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Văn D.

12. 01 chai nhựa trong suốt, trên thân chai có đục lỗ gắn một ống giấy cuộn tròn. Thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Mai Văn M.

13. 01 vỏ bánh nilon màu bạc, nhãn hiệu Orion Custas, kích thước (12x8)cm, trên vỏ có dính 01 mảnh băng dính trong suốt. Thu giữ trong quá trình xác định hiện trường.

14. 01 điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE 13, màu H7, số IMEI: 350521064036339, số IMEI 2: 350521064543227, gắn thẻ sim số: 0917285599, có vỏ ốp màu Đen Vàng, điện thoại đã qua sử dụng. Tạm giữ của Mai Văn M.

15. 01 điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE XS, màu Vàng, số IMEI: 356169092185472, số IMEI 2: 356169091768872, không gắn thẻ sim, có vỏ ốp màu Đen Vàng, điện thoại đã qua sử dụng. Tạm giữ của Mai Văn M.

16. 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, số kiểu máy: V1928A, màu Xanh Dương, số IMEI 1: 867823044923073, số IMEI 2: 867823044923065, gắn

thẻ sim số: 0961323457, có vỏ ốp màu Đen, điện thoại đã qua sử dụng. Tạm giữ của Mai Văn M.

17. 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: NOKIA, số Seri 1: 358194106724114, số Seri 2: 358194106724122, màu Đen, gắn thẻ sim số: 0342981610, điện thoại đã qua sử dụng. Tạm giữ của Mai Văn M.

18. Tiền Ngân hàng N: 4.100.000 đồng. Tạm giữ của Mai Văn M.

19. 01 xe ô tô, nhãn hiệu: HUYNDAI CRETA, màu sơn: Trắng, số máy: G4FLNQ145012, số khung: MF3PB812EPJ038362, BKS 73A - 291.45, xe đã qua sử dụng. Tạm giữ của Mai Văn M.

20. 01 USB màu đỏ, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 08Gb. Do chị Trần Thị H8, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình cung cấp, đã niêm phong.

Số vật chứng hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các vật chứng đã được xử lý trong quá trình điều tra:

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA WIGO màu trắng biển BKS 73A - 129.09 là xe của Công ty TNHH X, trụ sở tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình được sử dụng cho thuê tự lái. Tháng 02/2023, Nguyễn Ngọc S hợp đồng với Công ty TNHH X thuê xe ô tô BKS 73A - 129.09. Quá trình điều tra xác định việc Nguyễn Ngọc S sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy vào ngày 23/4/2023 thì Công ty TNHH X hoàn toàn không biết. Ngày 30/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô BKS 73A - 129.09 cho ông Phạm Quang T1 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH X.

- Đối với xe ô tô, nhãn hiệu: HUYNDAI CRETA BKS 73A - 291.45 mang tên Mai Thị Mỹ T2. Quá trình điều tra đã xác định việc Mai Văn M sử dụng xe ô tô này để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 23/4/2023 thì chị T2 hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q đã ra quyết định xử lý vật chứng đã trả lại xe ô tô BKS 73A - 291.45 cho chị Mai Thị Mỹ T2.

Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Mai Văn M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Ngọc S và bị cáo Trần Đăng H3 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; bị cáo Phan Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Mai Văn M tử hình.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S tử hình.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Đăng Hoàng tử h.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phan Văn D 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 23/4/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/4/2024, bị cáo Mai Văn M kháng cáo kêu oan; bà Lê Thị H1 là mẹ bị cáo cũng làm đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 15/4/2024, bị cáo Nguyễn Ngọc S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/4/2024, bị cáo Trần Đăng H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/4/2024, bị cáo Phan Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phan Văn D xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; bị cáo M giữ nguyên kháng cáo kêu oan; bị cáo S, Hoàng giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Mai Văn M: theo lời khai của các bị cáo và các tài liệu, hồ sơ có trong vụ án thì hành vi phạm tội của bị cáo đã đúng với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm; tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: chấp nhận việc xin rút kháng cáo của bị cáo Phan Văn D, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo D; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo M, S; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đăng H3, sửa bản án sơ thẩm và áp dụng hình phạt chung thân đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Phan Văn D xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị chấp nhận việc xin rút kháng cáo của bị cáo Phan Văn D, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo D. Thấy rằng, việc xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Văn D là hoàn toàn tự nguyện, không ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo D, Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Phan Văn D kể từ ngày 29/7/2024.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Văn M không thừa nhận hành vi mua bán ma túy, bị cáo cho rằng mình lên thác Mơ để hỏi mua cây và khi về thì ghé nhà Phan Văn D để đòi nợ vì D có nợ tiền bị cáo, không liên quan đến việc giao dịch mua bán ma túy với D. Còn hai bị cáo Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3 thừa nhận hành vi vận chuyển ma túy cho Mai Văn M. Hơn nữa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được như: Lời trình bày của Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3 tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 14-17); các Biên bản khám xét; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản ảnh hiện trường (BL 18-27); Biên bản khám xét phương tiện xe ô tô BKS 73A-12909 do Nguyễn Ngọc S điều khiển; Biên bản khám xét nơi ở của Phan Văn D; các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung, các Bản tự khai/Tường trình của Nguyễn Ngọc S (BL 397-419); các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung, các Bản tự khai/Tường trình của Trần Đăng H3 (BL 435-447); các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung, các Bản tự khai/Tường trình của Phan Văn D (BL 476-503); các Kết luận giám định, Biên bản kiểm tra điện thoại, trích xuất hình ảnh, tin nhắn từ điện thoại của các bị cáo; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người chứng kiến, tất cả đều trùng khớp với các tình tiết, sự việc mà các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3, Phan Văn D đã khai nhận trong giai đoạn điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 23/4/2023, Mai Văn M đã chỉ đạo Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3 vận chuyển 1.441,958g ma túy loại Methamphetamine; 1.995,81g ma túy loại Ketamine từ T, huyện M về xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, trong quá trình vận chuyển Mai Văn M có bán cho Phan Văn D 196 (một trăm chín mươi sáu) viên ma túy loại Methamphetamine. Khi Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3 tiếp tục vận chuyển số ma túy còn lại thì bị phát hiện bắt quả tang. Tổng khối lượng chất ma túy Methamphetamine và

Ketamine mà Mai Văn M mua bán, Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3 vận chuyển là 3.437,768g; tổng khối lượng chất ma túy Methamphetamine mà Phan Văn D mua của Mai Văn M rồi tàng trữ để sử dụng là 19,838g.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tuyên xử bị cáo Mai Văn M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3 về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Mai Văn M và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Bị cáo Mai Văn M không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng theo nhận định trên, sau khi xét xử sơ thẩm thì các bị cáo S, H3 có đơn trình bày xin khai báo với cùng nội dung: các bị cáo được bị cáo M chỉ đạo để cùng thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo S và bị cáo H3 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong khi đó, hành vi phạm tội của các bị cáo bị bắt quả tang, giữa các bị cáo không có mâu thuẫn với nhau; do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo M. Bị cáo M còn cho rằng mình bị ép buộc, đánh đập, đe dọa nhưng không có chứng cứ để chứng minh.

[3.2] Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được ma túy là chất gây nghiện độc hại, nguy hiểm, được Nhà nước độc quyền quản lý để nhằm ngăn chặn tình trạng lạm dụng ma túy, qua đó bảo vệ sức khỏe của người dân và ngăn ngừa các tội phạm cũng như tệ nạn phát sinh liên quan đến ma túy. Tuy nhiên, do có ý thức coi thường pháp luật, bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất, muốn nhanh chóng và dễ dàng có tiền để tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp tất cả, sẵn sàng mua bán, vận chuyển và tàng trữ số lượng ma túy rất lớn để sử dụng và bán lại nhằm hưởng lợi bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3 là đặc biệt nghiêm trọng.

[3.3] Trong các bị cáo thì Mai Văn M đóng vai trò chính trong hành vi mua bán ma túy. M cũng là người chỉ đạo Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3 vận chuyển ma túy và điện thoại liên hệ để bán ma túy cho Phan Văn D. Do đó, M phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình. Nguyễn Ngọc S và Trần Đăng H3 đồng phạm với nhau về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, trong đó, Nguyễn Ngọc S phạm tội với vai trò chính, là

người trực tiếp vào T, huyện Minh H9 nhận ma túy từ M rồi phân chia ma túy vào các hộp bánh, túi xách và chỉ đạo H3 để ma túy tại vị trí để D đến nhận theo như thỏa thuận với Mai Văn M nên S phải chịu trách nhiệm chính về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy; Trần Đăng H3 đóng vai trò giúp sức nhưng cũng thể hiện sự tích cực, thực hiện từ đầu đến cuối nên H3 cũng phải chịu trách nhiệm sau Nguyễn Ngọc S.

[3.4] Về nhân thân các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong các bị cáo thì Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S là những đối tượng có quá trình nhân thân xấu, trong đó, M đã từng bị Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 17 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Huỷ hoại tài sản” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Nguyễn Ngọc S năm 2012 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” và trong các năm 2022, 2023 bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo Trần Đăng H3 không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Mai Văn M trước đây đã bị kết án về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chưa được xoá án tích, nay lại phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Mai Văn M không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S trước đây vào năm 2011 tham gia cứu người đuối nước có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại đơn xin trình bày sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo S, H3 đã khai nhận toàn bộ hành vi sự việc nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.5] Từ những phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, quá trình nhân thân, vai trò, vị trí của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S; không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

tại Đà Nẵng: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đăng H3 sửa bản án sơ thẩm và áp dụng hình phạt chung thân.

[4] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì mỗi bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc S khai ngày xảy ra sự việc có một người tên D1 cùng tham gia nhưng không biết rõ họ tên đầy đủ và địa chỉ ở đâu; còn bị cáo M và H3 khai không biết, không có. Nội dung này đề nghị cơ quan điều tra làm rõ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 40 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Văn M hình phạt Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

3. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S hình phạt Tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

4. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 40 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đăng H3 hình phạt Tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

5. Áp dụng khoản 4 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3 để đảm bảo thi hành án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phan Văn D, Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Phan Văn D kể từ ngày 29/7/2024.

7. Án phí hình sự phúc thẩm: Mỗi bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

8. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo Mai Văn M, Nguyễn Ngọc S, Trần Đăng H3 được quyền làm đơn gửi đến Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình (03 bản);
- Công an tỉnh Quảng Bình (03 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình (05 bản);
- Các bị cáo (qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Thường